

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7-VĨNH LONG

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 14/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số F, ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre; sau sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã có tên gọi là xã P, tỉnh Vĩnh Long.

- Ông Lê Minh T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; sau sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã có tên gọi là xã H, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Lê Minh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang; sau sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã có tên gọi là xã H, tỉnh An Giang vào ngày 01/06/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông T là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng về quan điểm, ông bà đã không chung sống với nhau từ năm 2024 cho đến nay và bỏ mặc nhau, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ và có yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, về tài sản chung, nợ chung phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Lê Minh T có 02 người con chung tên Lê Minh H, sinh ngày 03/02/2012 và Lê Minh T1, sinh ngày 22/12/2018. Ông bà thỏa thuận sau khi vợ chồng ly hôn thì ông T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; bà Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H là muốn được sống với ông T. Như vậy, sự thỏa thuận này của bà Q và ông T phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con;...; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con” nên Tòa án công nhận giao cháu H cho ông T và giao cháu T1 cho bà Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng cho con: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”, Tòa án có giải thích việc cấp dưỡng cho con là quyền và lợi ích của trẻ. Tuy nhiên, bà Q không yêu cầu ông Trung cấp D cho cháu T1 và ông T không yêu cầu bà Q cấp dưỡng cho cháu H, đây là sự tự nguyện của bà Q và ông T nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về quyền thăm nom con: theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình “Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”. Do đó, bà Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu H và ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu T1 mà không ai được cản trở.

[5] Về việc cấp dưỡng cho con và thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn: vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng cho con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Lê Minh T cùng khai ông bà không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án ghi nhận và không xem xét.

[7] Về lệ phí Tòa án: bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Lê Minh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình. Do ông bà thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) nên Tòa án ghi nhận và trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Lê Minh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Lê Minh T có 02 người con chung tên Lê Minh H, sinh ngày 03/02/2012 và Lê Minh T1, sinh ngày 22/12/2018.

Giao cháu Lê Minh H, sinh ngày 03/02/2012 cho ông Lê Minh Trung trực T2 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lê Minh H đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc ông Lê Minh T không yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim Q cấp dưỡng cho cháu Lê Minh H.

Bà Nguyễn Thị Kim Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Lê Minh H mà không ai được quyền cản trở.

Giao cháu Lê Minh T1, sinh ngày 22/12/2018 cho bà Nguyễn Thị Kim Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lê Minh T1 đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Kim Q không yêu cầu ông Lê Minh Trung cấp D cho cháu Lê Minh T1.

Ông Lê Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Lê Minh T1 mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận việc ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Kim Q cùng trình bày ông bà không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Ông Lê Minh T phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông Lê Minh T đã nộp là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001221 ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông Lê Minh T đã nộp đủ lệ phí.

Bà Nguyễn Thị Kim Q phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà Nguyễn Thị Kim Q đã nộp là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001220 ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà Nguyễn Thị Kim Q đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Ủy ban nhân dân xã Hội An, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Mộng Tuyền